

Contents

HTML TUTORIAL W3SCHOOL	1
HTML Basic Examples	1
HTML Attributes	2
HTML Styles	2
HTML Text Formatting	2
HTML Quotation and Citation Elements	3
HTML Colors	3
HTML Links	3
HTML Images	5
HTML Tables	7
HTML Lists	9
HTML Block and Inline Elements	10
HTML class Attribute	11
HTML id Attribute	11
HTML Iframes	12
HTML JavaScript	12
HTML File Paths	13
HTML - The Head Element	13
HTML Layout Elements and Techniques	14

HTML Responsive Web Design	16
HTML Computer Code Elements	16
HTML Semantic Elements	17
HTML Symbols	18
Using Emojis in HTML	18

HTML TUTORIAL W3SCHOOL

HTML Basic Examples

<!--

Tất cả các tài liệu HTML phải bắt đầu với một tuyên bố loại tài liệu:

<!DOCTYPE html>.

Phần **<body>** từ xác định phần thân của tài liệu.

Các tiêu đề HTML được xác định bằng các thẻ <h1> to <h6>.

Các đoạn HTML được xác định bằng <p>thẻ:

Các liên kết HTML được xác định bằng <a>thẻ:

Hình ảnh HTML được xác định bằng thẻ.

Tệp nguồn (src), văn bản thay thế (alt) widthvà heightđược cung cấp dưới dạng các thuộc tính

HTML không phân biệt chữ hoa chữ thường

-->

<!DOCTYPE html>

<html>

<body>

<h1>This is heading 1</h1>

<h2>This is heading 2</h2>

<p>My first paragraph.</p>

<p>HTML links are defined with the a tag:</p>

This is a link

<p>HTML images are defined with the img tag:</p>

</body>

</html>

HTML Attributes

<!--

Các <a> thẻ định nghĩa một siêu liên kết. Các href thuộc tính xác định URL của trang liên kết đi vào:

Các thẻ được sử dụng để nhúng một hình ảnh trong một trang HTML. Các src quy định cụ thể thuộc tính đường dẫn đến hình ảnh sẽ được hiển thị:

Các thẻ cũng nên chứa width và height các thuộc tính, xác định chiều rộng và chiều cao của hình ảnh (tính bằng pixel):

alt Thuộc tính bắt buộc cho thẻ chỉ định văn bản thay thế cho hình ảnh, nếu hình ảnh vì lý do nào đó không thể hiển thị. Điều này có thể do kết nối chậm hoặc lỗi trong src thuộc tính hoặc nếu người dùng sử dụng trình đọc màn hình.

-->

<!DOCTYPE html>

<html>

<body>

<h2>The href Attribute</h2>

<p>HTML links are defined with the a tag. The link address is specified in the href attribute:</p>

Visit W3Schools

<p>HTML images are defined with the img tag, and the filename of the image source is specified in the src attribute:</p>

<p>If we try to display an image that does not exist, the value of the alt attribute will be displayed instead. </p>

</body>

</html>

HTML Styles

<!-- Use the style attribute for styling HTML elements

Use background-color for background color

Use color for text colors

Use font-family for text fonts

Use font-size for text sizes

Use text-align for text alignment

-->

<!DOCTYPE html>

<html>

<body style="background-color:powderblue;">

<h1>This is a heading1</h1>

<p>This is a paragraph1.</p>

<h2 style="background-color:powderblue; color:blue;" >This is a heading2</h2>

<h3 style="font-size:300%;text-align:center;" >This is a heading3</h3>

<p style="background-color:tomato;font-family:verdana;" >This is a paragraph2.</p>

</body>

</html>

HTML Text Formatting

<!--

Formatting elements were designed to display special types of text:

 - Bold text

 - Important text

<i> - Italic text

 - Emphasized text

<mark> - Marked text

<small> - Smaller text

 - Deleted text

<ins> - Inserted text

<sub> - Subscript text

<sup> - Superscript text

-->

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<p><b>This text is bold</b></p>
<p><i>This text is italic</i></p>
<p><mark>This text is italic</mark></p>
<p>This is<sub> subscript</sub> and <sup>superscript</sup></p>
</body>
</html>
```

HTML Quotation and Citation Elements

```
<!--<abbr> Defines an abbreviation or acronym xác định chữ viết tắt
hoặc từ viết tắt)
<address> Defines contact information for the author/owner of a
document
<bdo> Defines the text direction
<blockquote> Defines a section that is quoted from another source
<cite> Defines the title of a work(xác định tiêu đề của một tác phẩm
sáng tạo)
<q> Defines a short inline quotation -->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<p>Browsers usually indent blockquote elements.</p>
<blockquote cite="http://www.worldwildlife.org/who/index.html">
For nearly 60 years, WWF has been protecting the future of nature. .... in
the United States and close to five million globally.
</blockquote>
<p>WWF's goal is to: <q>Build a future where people live in harmony
with nature.</q></p>
<p>The <abbr title="World Health Organization">WHO</abbr> was
founded in 1948.</p>
<address>
Written by John Doe.<br> <!--xuống dòng :br-->
Visit us at:<br>
USA
</address>
<p><cite>The Scream</cite> by Edvard Munch. Painted in 1893.</p>
```

```
</body>
</html>
HTML Colors
<!--Color Values :https://www.w3schools.com/html/html_colors.asp -->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h1 style="color:Tomato;">Hello World</h1>
<h1 style="background-color:Orange;">Orange</h1>
<h1 style="border:2px solid DodgerBlue;">Hello World</h1>
<h1 style="background-
color:MediumSeaGreen;">MediumSeaGreen</h1>
<h1 style="background-color:Gray;">Gray</h1>
<h1 style="background-color:SlateBlue;">SlateBlue</h1>
<h1 style="background-color:Violet;">Violet</h1>
<h1 style="background-color:LightGray;">LightGray</h1>
</body>
</html>
```

HTML Links

```
<!--Cả hai ví dụ trên đều đang sử dụng URL tuyệt đối (địa chỉ web đầy
đủ) trong hrefthuộc tính.
Liên kết cục bộ (liên kết đến một trang trong cùng một trang web) được
chỉ định bằng một URL tương đối (không có phần "https: // www"):
-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h2>Absolute URLs</h2>
<p><a href="https://www.w3.org/">W3C</a></p>
<p><a href="https://www.google.com/">Google</a></p>
<a href="https://www.w3schools.com/" target="_blank">Visit
W3Schools!</a>

<h2>Relative URLs</h2>
<p><a href="html_images.asp">HTML Images</a></p>
<p><a href="/css/default.asp">CSS Tutorial</a></p>
```

```
</body>
</html>
```

Vd: Màu liên kết

<!--Tại đây, một liên kết không được truy cập sẽ có màu xanh lục không có gạch dưới. Một liên kết đã truy cập sẽ có màu hồng không có gạch dưới. Một liên kết đang hoạt động sẽ có màu vàng và được gạch chân. Ngoài ra, khi di chuột qua một liên kết (a: hover), nó sẽ chuyển sang màu đỏ và được gạch chân:-->

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>
a:link {
  color: green;
  background-color: transparent;
  text-decoration: none;
}
a:visited {
  color: pink;
  background-color: transparent;
  text-decoration: none;
}
a:hover {
  color: red;
  background-color: transparent;
  text-decoration: underline;
}
a:active {
  color: yellow;
  background-color: transparent;
  text-decoration: underline;
}
</style>

</head>
```

```
<body>
<a href="html_images.asp" target="_blank">HTML Images</a>
</body>
```

```
</html>
```

Chuyển thành link button ta cần :

```
a:link ,
a:visited {
  background-color: #f44336;
  color: black;
  padding: 25px 25px; khung
  text-align: center;
  display: inline-block;
}
```

Link bookmark:

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<p><a href="#C4">Jump to Chapter 4</a></p>
<p><a href="#C10">Jump to Chapter 10</a></p>
```

```
<h2>Chapter 1</h2>
<h2>Chapter 2</h2>
<h2>Chapter 3</h2>
<h2 id="C4">Chapter 4</h2>
<p>This chapter explains ba bla bla</p>
<h2>Chapter 5</h2>
<h2>Chapter 6</h2>
<h2>Chapter 7</h2>
<h2>Chapter 8</h2>
<h2>Chapter 9</h2>
<h2 id="C10">Chapter 10</h2>
<p>This chapter explains ba bla bla</p>
<h2>Chapter 11</h2>
<h2>Chapter 12</h2>
<h2>Chapter 13</h2>
```

```

<h2>Chapter 14</h2>
<h2>Chapter 15</h2>
<h2>Chapter 16</h2>
<h2>Chapter 17</h2>
<h2>Chapter 18</h2>
<h2>Chapter 19</h2>
<h2>Chapter 20</h2>
<h2>Chapter 21</h2>
<h2>Chapter 22</h2>
<h2>Chapter 23</h2>
</body>
</html>

```

HTML Images

<!--Sử dụng phần tử HTML để xác định hình ảnh
 Sử dụng srcthuộc tính HTML để xác định URL của hình ảnh
 Sử dụng altthuộc tính HTML để xác định văn bản thay thế cho hình ảnh,
 nếu nó không thể được hiển thị
 Sử dụng HTML widthvà heightthuộc tính hoặc CSS widthvà height
 thuộc tính để xác định kích thước của hình ảnh
 Sử dụng thuộc tính CSS floatđể cho hình ảnh nổi sang trái hoặc sang
 phải-->

```

<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h2>HTML Image</h2>
.<br>
.<br>

 .; h ảnh trong 1 thư mục con.<br>

```

```

 ; hình ảnh
trong 1 trang web.<br>

```

```

 ;hình ảnh động .<br>

```

```

 ; hình ảnh dạng liên kết ;<br>

```

```

 ; hình ảnh nổi <br>

```

```

</body>
</html>

```

Vd2 : bản đồ hình ảnh html:

```

<!--Sử dụng <map>phần tử HTML để xác định bản đồ hình ảnh
Sử dụng <area>phần tử HTML để xác định các khu vực có thể nhấp
trong bản đồ hình ảnh
Sử dụng usemapthuộc tính HTML của <img>phần tử để trỏ đến bản đồ
hình ảnh-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>

<map name="workmap">
  <area shape="rect" coords="34,44,270,350" alt="Computer"
href="computer.htm">
  <area shape="rect" coords="290,172,333,250" alt="Phone"
href="phone.htm">
  <area shape="circle" coords="337,300,44" alt="Cup of coffee"
href="coffee.htm">
<br> vd2:<br>

<map name="foodmap">

```

```

<area shape="poly"
coords="140,121,181,116,204,160,204,222,191,270,140,329,85,355,58,
352,37,322,40,259,103,161,128,147" alt="Croissant"
href="croissant.htm">
</body>
</html>

```

Vd3:

<!--Một khu vực có thể nhấp cũng có thể kích hoạt một hàm JavaScript. Thêm một clicksự kiện vào <area>phần tử để thực thi một hàm JavaScript:-->

```

<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h2>Image Maps</h2>
<p>Click on the cup of coffee to execute a JavaScript function:</p>

<map name="workmap">
  <area shape="circle" coords="337,300,44" href="coffee.htm"
onclick="myFunction()">
</map>
<script>
function myFunction() {
  alert("You clicked the coffee cup!");
}
</script>
</body>
</html>

```

Vd : background image

<!--Nếu bạn muốn hình nền bao phủ toàn bộ phần tử, bạn có thể đặt thuộc background-sizetính thành cover. Ngoài ra, để đảm bảo toàn bộ phần tử luôn được bao phủ, hãy đặt thuộc background-attachmenttính thànhfixed: Bằng cách này, hình nền sẽ bao phủ toàn bộ phần tử mà không bị kéo giãn (hình ảnh sẽ giữ nguyên tỷ lệ ban đầu):-->

```

<!DOCTYPE html>
<html>

```

```

<head>
<style>
body {
  background-image: url('img_girl.jpg');
  background-repeat: no-repeat;
  background-attachment: fixed;
  background-size: cover;
}
</style>
</head>
<body>
<h2>Background Cover</h2>
<p>Set the background-size property to "cover" and the background
image will cover the entire element, in this case the body element.</p>
</body>
</html>

```

Vd : tải ảnh tương thích màn hình

<!-- Hiển thị các hình ảnh khác nhau cho các kích thước màn hình khác nhau:

Phần <picture>tử chứa một hoặc nhiều <source>phần tử, mỗi phần tử đề cập đến các hình ảnh khác nhau thông qua srcset thuộc tính. Bằng cách này, trình duyệt có thể chọn hình ảnh phù hợp nhất với chế độ xem và / hoặc thiết bị hiện tại.

```

-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-
scale=1.0">
</head>
<body>

```

```

<h2>The picture Element</h2>
<picture>
  <source media="(min-width: 650px)" srcset="img_food.jpg">
  <source media="(min-width: 465px)" srcset="img_car.jpg">
  

```

```
</picture>
</body>
</html>
```

HTML Tables

Vd1 :

```
<!--
```

Sử dụng <table>phần tử HTML để xác định bảng

Sử dụng <tr>phần tử HTML để xác định một hàng trong bảng

Sử dụng <td>phần tử HTML để xác định dữ liệu bảng

Sử dụng <th>phần tử HTML để xác định tiêu đề bảng

Sử dụng <caption>phần tử HTML để xác định chú thích bảng

Sử dụng thuộc tính CSS borderđể xác định đường viền

Sử dụng thuộc tính CSS border-collapseđể thu gọn đường viền ô

Sử dụng thuộc tính CSS paddingđể thêm phần đệm vào ô

Sử dụng thuộc tính CSS text-alignđể căn chỉnh văn bản ô

Sử dụng thuộc tính CSS border-spacingđể đặt khoảng cách giữa các ô

Sử dụng colspanthuộc tính để tạo một ô kéo dài nhiều cột

Sử dụng rowspanthuộc tính để tạo một ô kéo dài nhiều hàng

Sử dụng idthuộc tính để xác định duy nhất một bảng

```
-->
```

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<style>
```

```
table, th, td {
```

```
    border: 6px solid black;
```

```
    border-collapse: collapse;
```

```
}
```

```
th, td {
```

```
    padding: 16px;
```

```
}
```

```
th {
```

```
    text-align: left;
```

```
}
```

```
</style>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

```
<table style="width:100%">
```

```
<tr>
```

```
<th>Firstname</th>
```

```
<th>Lastname</th>
```

```
<th>Age</th>
```

```
</tr>
```

```
<tr>
```

```
<td>Jill</td>
```

```
<td>Smith</td>
```

```
<td>50</td>
```

```
</tr>
```

```
<tr>
```

```
<td>Eve</td>
```

```
<td>Jackson</td>
```

```
<td>94</td>
```

```
</tr>
```

```
<tr>
```

```
<td>John</td>
```

```
<td>Doe</td>
```

```
<td>80</td>
```

```
</tr>
```

```
</table>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Vd2 :

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<style>
```

```
table, th, td {
```

```
    border: 1px solid black;
```

```
    padding: 5px;
```

```
}
```

```
table {
```

```

border-spacing: 10px;
}
</style>
</head>
<body>
<table style="width:100%">
  <caption>Monthly savings</caption>

  <tr>
    <th>Firstname</th>
    <th>Lastname</th>
    <th>Age</th>
  </tr>
  <tr>
    <td>Jill</td>
    <td>Smith</td>
    <td>50</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>Eve</td>
    <td>Jackson</td>
    <td>94</td>
  </tr>
  <tr>
    <td>John</td>
    <td>Doe</td>
    <td>80</td>
  </tr>
</table>

</body>
</html>

```

Vd3 : merge hàng và cột

```

<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>

```

```

table, th, td {
  border: 1px solid black;
  border-collapse: collapse;
}
th, td {
  padding: 5px;
  text-align: left;
}
</style>
</head>
<body>

<table style="width:100%">
  <tr>
    <th>Name</th>
    <th colspan="2">Telephone</th>
    <th rowspan="2">Telephone:</th>
  </tr>
  <tr>
    <td>Bill Gates</td>
    <td>55577854</td>
    <td>55577855</td>
  </tr>
</table>
</body>
</html>

```

Vd4: tô background cho hàng cột :

```

<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<style>

```

```

table {
  width:100%;
}
table, th, td {
  border: 1px solid black;

```



```

border-collapse: collapse;
}
th, td {
padding: 15px;
text-align: left;
}
#t01 tr:nth-child(even) {
background-color: blue;
}
#t01 tr:nth-child(odd) {
background-color: red;
}
#t01 th {
background-color: black;
color: white;
}
</style>
</head>
<body>

```

<h2>Styling Tables</h2>

```

<table>
<tr>
<th>Firstname</th>
<th>Lastname</th>
<th>Age</th>
</tr>
<tr>
<td>Jill</td>
<td>Smith</td>
<td>50</td>
</tr>
<tr>
<td>Eve</td>
<td>Jackson</td>
<td>94</td>

```

```

</tr>
<tr>
<td>John</td>
<td>Doe</td>
<td>80</td>
</tr>
</table>
<br>

<table id="t01">
<tr>
<th>Firstname</th>
<th>Lastname</th>
<th>Age</th>
</tr>
<tr>
<td>Jill</td>
<td>Smith</td>
<td>50</td>
</tr>
<tr>
<td>Eve</td>
<td>Jackson</td>
<td>94</td>
</tr>
<tr>
<td>John</td>
<td>Doe</td>
<td>80</td>
</tr>
</table>

</body>
</html>

```

HTML Lists

Vd : danh sách ko theo thứ tự :

<!--Sử dụng phần tử HTML để xác định danh sách không có thứ tự
Sử dụng thuộc tính CSS list-style-type để xác định điểm đánh dấu mục
danh sách

Sử dụng phần tử HTML để xác định một mục danh sách

Danh sách có thể được lồng vào nhau

Các mục danh sách có thể chứa các phần tử HTML khác

Sử dụng thuộc tính CSS float:left để hiển thị danh sách theo chiều
ngang-->

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<h2>A Nested List</h2>
```

```
<p>Lists can be nested (list inside list):</p>
```

```
<ul style="list-style-type:circle;">
```

```
<li>Coffee</li>
```

```
<li>Tea
```

```
<ul style="list-style-type:square">
```

```
<li>Black tea</li>
```

```
<li>Green tea</li>
```

```
</ul>
```

```
<li>Milk</li>
```

```
</ul>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Vd : danh sách theo thứ tự

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<h2>A Nested List</h2>
```

```
<p>Lists can be nested (list inside list):</p>
```

```
<ol type="A">
```

```
<li>Coffee</li>
```

```
<li>Tea
```

```
<ol type="1" start="50">
```

```
<li>Black tea</li>
```

```
<li>Green tea</li>
```

```
</ol>
```

```
</li>
```

```
<li>Milk</li>
```

```
</ol>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Vd3 : danh sách khác :

<!-- Sử dụng <dl>phần tử HTML để xác định danh sách mô tả

Sử dụng <dt>phần tử HTML để xác định thuật ngữ mô tả

Sử dụng <dd>phần tử HTML để mô tả thuật ngữ trong danh sách mô tả--

>

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<h2>A Description List</h2>
```

```
<dl>
```

```
<dt>Coffee</dt>
```

```
<dd>- black hot drink</dd>
```

```
<dt>Milk</dt>
```

```
<dd>- white cold drink</dd>
```

```
</dl>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

HTML Block and Inline Elements

<!--Có hai giá trị hiển thị: khối và nội tuyến

Phần tử cấp khối luôn bắt đầu trên một dòng mới và chiếm toàn bộ chiều
rộng có sẵn

Một phần tử nội tuyến không bắt đầu trên một dòng mới và nó chỉ chiếm
nhiều chiều rộng khi cần thiết

Phần <div>từ là cấp khối và thường được sử dụng làm vùng chứa cho
các phần tử HTML khác

Phần tử là một vùng chứa nội tuyến được sử dụng để đánh dấu một phần của văn bản hoặc một phần của tài liệu -->

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<div style="background-color: pink; color: black; padding: 20px;">
```

```
<h2>London</h2>
```

```
<p>London is the capital city of England. It is the most populous city in the United Kingdom, with a metropolitan area of over 13 million inhabitants.</p></div>
```

```
<p>This is an inline span <span style="border: 1px solid black">Hello World</span> element inside a paragraph.</p>
```

```
<p>My mother has <span style="color: blue; font-weight: bold">blue</span> eyes and my father has <span style="color: darkolivegreen; font-weight: bold">dark green</span> eyes.</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

HTML class Attribute

<!--class Thuộc tính HTML chỉ định một hoặc nhiều tên lớp cho một phần tử

Các lớp được CSS và JavaScript sử dụng để chọn và truy cập các phần tử cụ thể

Các class thuộc tính có thể được sử dụng trên bất kỳ phần tử HTML

Tên lớp phân biệt chữ hoa chữ thường

Các phần tử HTML khác nhau có thể trở đến cùng một tên lớp

JavaScript có thể truy cập các phần tử có tên lớp cụ thể bằng `getElementsByClassName()` phương thức-->

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<style>
```

```
.city {
```

```
background-color: tomato;
```

```
color: white;
```

```
border: 2px solid black;
```

```
margin: 20px;
```

```
padding: 20px;
```

```
}
```

```
.note {
```

```
font-size: 120%;
```

```
color: yellow;
```

```
}
```

```
</style>
```

```
</head>
```

```
<body>
```

```
<div class="city">
```

```
<h2>London</h2>
```

```
<p>London is the capital of England.</p>
```

```
<h1>My <span class="note">Important</span> Heading</h1>
```

```
<p>This is some <span class="note">important</span> text.</p>
```

```
</div>
```

```
<div class="city">
```

```
<h2>Paris</h2>
```

```
<p>Paris is the capital of France.</p>
```

```
</div>
```

```
<div class="city">
```

```
<h2>Tokyo</h2>
```

```
<p>Tokyo is the capital of Japan.</p>
```

```
</div>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

HTML id Attribute

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```

<style>
/* Style the element with the id "myHeader" */
#myHeader {
    background-color: lightblue;
    color: black;
    padding: 40px;
    text-align: center;
}
/* Style all elements with the class name "city" */
.city {
    background-color: tomato;
    color: white;
    padding: 10px;
}
</style>
</head>
<body>
<h2>Difference Between Class and ID</h2>
<p>Một tên lớp có thể được sử dụng bởi nhiều phần tử HTML, trong khi
tên id chỉ được sử dụng bởi một phần tử HTML trong trang:</p>
<!-- An element with a unique id -->
<h1 id="myHeader">My Cities</h1>
<!-- Multiple elements with same class -->
<h2 class="city">London</h2>
<h2 class="city">Paris</h2>
<h2 class="city">Tokyo</h2>

</body>
</html>

```

HTML Iframes

<!--<iframe>Thẻ HTML chỉ định khung nội tuyến
 Các src thuộc tính xác định URL của trang nhúng
 Luôn bao gồm một title thuộc tính (dành cho trình đọc màn hình)
 Các height và width các thuộc tính quy định cụ thể kích thước của khung
 nội tuyến
 Sử dụng border:none; để xóa đường viền xung quanh iframe

```

-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h2>HTML Iframes</h2>
<p>You can use the height and width attributes to specify the size of the
iframe:</p>
<iframe src="demo_iframe.htm" style="height:200px;width:300px"
title="Iframe Example"></iframe>
<iframe src="demo_iframe.htm" style="border:2px solid red;"
title="Iframe Example"></iframe>
</body>
</html>

```

HTML JavaScript

```

<!--
JavaScript làm cho các trang HTML trở nên động và tương tác hơn.
Để chọn một phần tử HTML, JavaScript thường sử dụng
document.getElementById() phương pháp này nhất.
-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h1>My First JavaScript</h1>
<p id="demo"></p>
<script>
document.getElementById("demo").innerHTML = "Hello JavaScript!";
</script>
<button type="button"
onclick="document.getElementById('demo').innerHTML = Date()">
Click me to display Date and Time.</button>

<p id="demo">This is a demonstration.</p>
<button type="button" onclick="myFunction()">Click Me!</button>
<script>
function myFunction() {

```

```

document.getElementById("demo").innerHTML = "Hello
JavaScript!";
}
</script>
</body>
</html>

```

HTML File Paths

```

<!--<img src = "picture.jpg"> Tập "picture.jpg" nằm trong cùng thư mục
với trang hiện tại
<img src = "images / picture.jpg"> Tập "picture.jpg" nằm trong thư
mục hình ảnh trong thư mục hiện tại
<img src = "/ images / picture.jpg"> Tập "picture.jpg" nằm trong thư
mục hình ảnh ở thư mục gốc của web hiện tại
<img src = "../ picture.jpg"> Tập "picture.jpg" nằm trong thư mục một
cấp so với thư mục hiện tại
-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<body>
<h2>Using a Full URL File Path</h2>

<br>

<br>

</body>
</html>

```

HTML - The Head Element

<!--Phần <head>tử là vùng chứa siêu dữ liệu (dữ liệu về dữ liệu)
Phần <head>tử được đặt giữa <html>thẻ và <body>thẻ
Phần <title>tử là bắt buộc và nó xác định tiêu đề của tài liệu
Phần <style>tử được sử dụng để xác định thông tin kiểu cho một tài liệu
Các <link> thẻ thường được sử dụng để liên kết đến các style sheet bên ngoài

Phần <meta>tử này thường được sử dụng để chỉ định bộ ký tự, mô tả trang, từ khóa, tác giả của tài liệu và cài đặt chế độ xem
Phần <script>tử được sử dụng để xác định JavaScripts phía máy khách
Phần <base>tử chỉ định URL cơ sở và / hoặc mục tiêu cho tất cả các URL tương đối trong một trang

```

-->
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<title>A Meaningful Page Title</title>
<style>
body {background-color: powderblue;}
h1 {color: red;}
p {color: blue;}
</style>
<link rel="stylesheet" href="mystyle.css">
</head>
<body>
<p>The content of the body element is displayed in the browser
window.<br>The content of the title element is displayed in the browser
tab, in favorites and in search-engine results.</p>
</body>
</html>

```

Vd2 : meta:

```

<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<meta charset="UTF-8">;Xác định bộ ký tự được sử dụng
<meta name="description" content="Free Web tutorials"> ; Xác định
mô tả về trang web của bạn
<meta name="keywords" content="HTML, CSS, JavaScript"> ;Xác
định từ khóa cho công cụ tìm kiếm:
<meta name="author" content="John Doe"> ; Xác định tác giả của một
trang:

```

<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1.0"> ; Đặt chế độ xem để làm cho trang web của bạn trông đẹp trên tất cả các thiết bị:

```
</head>
<body>
<p>All meta information goes inside the head section.</p>
</body>
</html>
```

Vd3 : base

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <base href="https://www.w3schools.com/" target="_blank">
</head>
<body>
<h1>The base element</h1>
<p> - Notice that we have only specified a relative address
for the image. Since we have specified a base URL in the head section,
the browser will look for the image at
"https://www.w3schools.com/images/stickman.gif".</p>
```

```
<p><a href="tags/tag_base.asp">HTML base tag</a> - Notice that the
link opens in a new window, even if it has no target="_blank" attribute.
This is because the target attribute of the base element is set to
"_blank".</p>
```

```
</body>
</html>
```

HTML Layout Elements and Techniques

<!--

HTML có một số yếu tố ngữ nghĩa xác định các phần khác nhau của trang web:

Phần tử ngữ nghĩa HTML5

<header> - Xác định tiêu đề cho một tài liệu hoặc một phần

<nav> - Xác định một tập hợp các liên kết điều hướng

<section> - Xác định một phần trong tài liệu

<article> - Xác định một nội dung độc lập, khép kín

<aside> - Xác định nội dung bên cạnh nội dung (như một thanh bên)

<footer> - Xác định chân trang cho một tài liệu hoặc một phần

<details> - Xác định các chi tiết bổ sung mà người dùng có thể mở và đóng theo yêu cầu

<summary>- Xác định tiêu đề cho <details>phần tử

-->

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html lang="en">
```

```
<head>
```

```
<title>CSS Template</title>
```

```
<meta charset="utf-8">
```

```
<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
```

```
<style>
```

```
* {
```

```
  box-sizing: border-box;
```

```
}
```

```
body {
```

```
  font-family: Arial, Helvetica, sans-serif;
```

```
}
```

```
header {
```

```
  background-color: #666;
```

```
  padding: 30px;
```

```
  text-align: center;
```

```
  font-size: 35px;
```

```
  color: white;
```

```
}
```

```
/* Create two columns/boxes that floats next to each other */
```

```
nav {
```

```
  float: left;
```

```
  width: 30%;
```

```
  height: 300px; /* only for demonstration, should be removed */
```

```
  background: #ccc;
```

```
  padding: 20px;
```

```
}
```

```

/* Style the list inside the menu */
nav ul {
  list-style-type: none;
  padding: 0;
}
article {
  float: left;
  padding: 20px;
  width: 70%;
  background-color: #f1f1f1;
  height: 300px; /* only for demonstration, should be removed */
}
/* Clear floats after the columns */
section::after {
  content: "";
  display: table;
  clear: both;
}
/* Style the footer */
footer {
  background-color: #777;
  padding: 10px;
  text-align: center;
  color: white;
}
/* Responsive layout - makes the two columns/boxes stack on top of
each other instead of next to each other, on small screens */
@media (max-width: 600px) {
  nav, article {
    width: 100%;
    height: auto;
  }
}
</style>
</head>
<body>

```

<h2>CSS Layout Float</h2>

<p>In this example, we have created a header, two columns/boxes and a footer. On smaller screens, the columns will stack on top of each other.</p>

<p>Resize the browser window to see the responsive effect (you will learn more about this in our next chapter - HTML Responsive.)</p>

```
<header>
```

```
  <h2>Cities</h2>
```

```
</header>
```

```
<section>
```

```
  <nav>
```

```
    <ul>
```

```
      <li><a href="#">London</a></li>
```

```
      <li><a href="#">Paris</a></li>
```

```
      <li><a href="#">Tokyo</a></li>
```

```
    </ul>
```

```
  </nav>
```

```
<article>
```

```
  <h1>London</h1>
```

<p>London is the capital city of England. It is the most populous city in the United Kingdom, with a metropolitan area of over 13 million inhabitants.</p>

<p>Standing on the River Thames, London has been a major settlement for two millennia, its history going back to its founding by the Romans, who named it Londinium.</p>

```
  </article>
```

```
</section>
```

```
<footer>
```

```
  <p>Footer</p>
```

```
</footer>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

HTML Responsive Web Design

Vd1 : <!DOCTYPE html>

```
<html>
<head>
<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-
scale=1.0">
</head>
<body>
<h2>Show Different Images Depending on Browser Width</h2>
<p>Resize the browser width and the image will change at 600px and
1500px.</p>
<picture>;<br> Phần <picture>từ HTML cho phép bạn xác định các hình
ảnh khác nhau cho các kích thước của sổ trình duyệt khác nhau.
<source srcset="img_smallflower.jpg" media="(max-width: 600px)">
<source srcset="img_flowers.jpg" media="(max-width: 1500px)">
<source srcset="flowers.jpg">

</picture>

<br>kích thước văn bản sẽ tuân theo kích thước của cửa sổ trình duyệt:
<h1 style="font-size:10vw;">Responsive Text</h1>
<p style="font-size:5vw;">Resize the browser window to see how the
text size scales.</p>
<p style="font-size:5vw;">Use the "vw" unit when sizing the text. 10vw
will set the size to 10% of the viewport width.</p>
<p>Viewport is the browser window size. 1vw = 1% of viewport width.
If the viewport is 50cm wide, 1vw is 0.5cm.</p>
</body>
</html>
```

Vd2:

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<title>W3.CSS</title>
<meta name="viewport" content="width=device-width, initial-scale=1">
```

```
<link rel="stylesheet"
href="https://www.w3schools.com/w3css/4/w3.css">
</head>
<body>
```

```
<div class="w3-container w3-green">
<h1>W3Schools Demo</h1>
<p>Resize this responsive page!</p>
</div>
<div class="w3-row-padding">
<div class="w3-third">
<h2>London</h2>
<p>London is the capital city of England.</p>
<p>It is the most populous city in the United Kingdom,
with a metropolitan area of over 13 million inhabitants.</p>
</div>
<div class="w3-third">
<h2>Paris</h2>
<p>Paris is the capital of France.</p>
<p>The Paris area is one of the largest population centers in Europe,
with more than 12 million inhabitants.</p>
</div>
<div class="w3-third">
<h2>Tokyo</h2>
<p>Tokyo is the capital of Japan.</p>
<p>It is the center of the Greater Tokyo Area,
and the most populous metropolitan area in the world.</p>
</div>
</div>
</body>
</html>
```

HTML Computer Code Elements

```
<!--
Phần <kbd>từ xác định đầu vào bàn phím
Phần <samp>từ xác định đầu ra mẫu từ một chương trình máy tính
Phần <code>từ xác định một đoạn mã máy tính
```


Phần <var>ử xác định một biến trong lập trình hoặc trong một biểu thức toán học

Phần <pre>ử xác định văn bản được định dạng trước

-->

<!DOCTYPE html>

<html>

<body>

<p>The kbd element is used to define keyboard input:</p>

<p>Save the document by pressing <kbd>Ctrl + S</kbd></p>

<pre>

<code>

x = 5;

y = 6;

z = x + y;

</code>

</pre>

<p>The area of a triangle is: $1/2 \times \text{<var>b</var>} \times \text{<var>h</var>}$, where <var>b</var> is the base, and <var>h</var> is the vertical height.</p>

<p>The samp element is used to define sample output from a computer program.Message from my computer:</p>

<p><samp>File not found.
Press F1 to continue</samp></p>

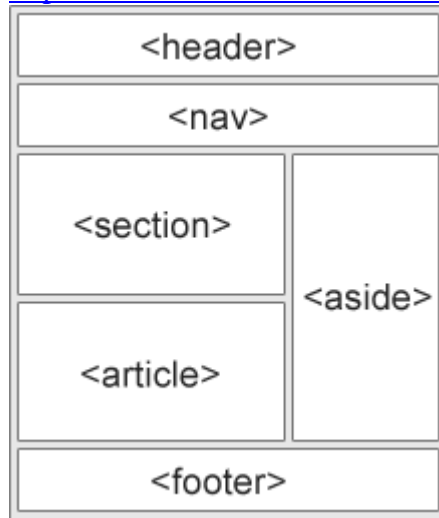
</body>

</html>

HTML Semantic Elements

- <article>
- <aside>
- <details>
- <figcaption>
- <figure>
- <footer>
- <header>

https://www.w3schools.com/html/html5_semantic_elements.asp



```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

Phần nav xác định một tập hợp các liên kết điều hướng.

```
<nav>
```

```
<a href="/html/">HTML</a> |
```

```
<a href="/css/">CSS</a> |
```

```
<a href="/js/">JavaScript</a> |
```

```
<a href="/jquery/">jQuery</a>
```

```
</nav>
```

- <main>
- <mark>
- <nav>
- <section>
- <summary>
- <time>

Phần footer xác định chân trang cho tài liệu hoặc phần.

```
<footer>
```

```
<p>Author: Hege Refsnes</p>
```

```
<p><a
```

```
href="mailto:hege@example.com">hege@example.com</a></p>
```

```
</footer>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

HTML Symbols

<!-- tất các các symbol:

https://www.w3schools.com/html/html_symbols.asp

```
-->
```

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<body>
```

```
<p>I will display &euro;</p>
```

```
<p>I will display &#8364;</p>
```

```
<p>I will display &#x20AC;</p>
```

```
</body>
```

```
</html>
```

Using Emojis in HTML

```
<!DOCTYPE html>
```

```
<html>
```

```
<head>
```

```
<meta charset="UTF-8">
</head>
<body>
<p>I will display A B C</p>
<p>I will display &#65; &#66; &#67;</p>
<!-- Phần <meta charset="UTF-8">ử xác định bộ ký tự.
Các ký tự A, B và C, được hiển thị bằng các số 65, 66 và 67.Để trình
duyet hiểu rằng bạn đang hiển thị một ký tự, bạn phải bắt đầu số thực
thể bằng & # và kết thúc bằng; (dấu chấm phẩy).-->
<p>&#128512;</p>
<p style="font-size:48px">
&#128512; &#128516; &#128525; &#128151;
</p>
</body>
</html>
```